

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc
tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Sắc lệnh số 102-SL/L-004 ngày 20/5/1957 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ban hành quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Công văn số 109/SNgV-PCPNN ngày 31/01/2018 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 466/TTr-SNV ngày 14/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam gồm 8 (tám) Chương, 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội đại biểu khóa II, nhiệm kỳ 2017 - 2022 thông qua ngày 16/12/2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Ngoại vụ; Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./2

Nơi nhận: *See*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NC, SNV.



CHỦ TỊCH

Đình Văn Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - HÀN QUỐC TỈNH QUẢNG NAM
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2018*
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam.
2. Tên tiếng Anh: The Vietnam - Korea Friendship Association of Quang Nam Province.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VKFAQN.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam có liên quan đến hoạt động đối ngoại nhân dân với Hàn Quốc.
2. Mục đích của hội là góp phần vào việc tăng cường tình đoàn kết, hiểu biết giữa nhân dân Quảng Nam và nhân dân Hàn Quốc, nhằm củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở Châu Á và trên thế giới.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
Điện thoại: 0235.3811600

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân chuyên trách về công tác đoàn kết, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với Hàn Quốc. Hội là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng Nam.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Giới thiệu, thông tin với nhân dân Hàn Quốc về Quảng Nam - Việt Nam, nhằm tăng cường hiểu biết về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Quảng Nam, về chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, về tình cảm hữu nghị của nhân dân Quảng Nam với nhân dân Hàn Quốc theo quy định của pháp luật.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.
5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhân dân, các địa phương tiến hành các hoạt động nhằm vun đắp và phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị với nhân dân Hàn Quốc phù hợp với chủ trương đối ngoại của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
8. Phối hợp với cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
9. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.
10. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác để tự trang trải về kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.
11. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tinh hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động của Hội gắn với nhiệm vụ của Liên hiệp giao đối với tổ chức thành viên.
12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật, báo cáo Sở Nội vụ và Sở Ngoại vụ về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Hoạt động của Hội không được làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật

tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Khuyến khích, hỗ trợ, tham gia làm cầu nối thúc đẩy phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học-công nghệ, giáo dục-đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, bảo vệ môi trường... giữa các đối tác Quảng Nam với các đối tác Hàn Quốc theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức trao đổi các đoàn hữu nghị, trao đổi thông tin, các cuộc gặp gỡ hữu nghị với các tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa của Hàn Quốc nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

5. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Hội.

6. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự. Hội viên chính thức gồm hội viên tổ chức và hội viên cá nhân (sau đây gọi tắt là hội viên).

2. Tiêu chuẩn hội viên tổ chức: Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp Quảng Nam, các Hội, đoàn thể thuộc tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật có quan tâm hoặc liên quan đến hoạt động đối ngoại nhân dân với Hàn Quốc tán thành Điều lệ Hội, làm đơn xin gia nhập Hội, có điều kiện và tự nguyện tham gia hoạt động của Hội, hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

3. Tiêu chuẩn hội viên cá nhân: Công dân Quảng Nam có phẩm chất, bản lĩnh chính trị, có kinh nghiệm hoạt động đối ngoại, quan tâm hoặc có liên quan đến hoạt động đối ngoại nhân dân với Hàn Quốc tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên theo quy định được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

4. Tiêu chuẩn hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Quảng Nam và những công dân, tổ chức của người Quảng Nam ở Hàn Quốc tán thành Điều lệ Hội, tự

nguyện xin vào Hội, tích cực ủng hộ, phối hợp, hỗ trợ cho công tác của Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh Ban lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Hội viên có nguyện vọng tham gia Hội, làm đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định), hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên và được Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

3. Ban Chấp hành Hội xem xét khai trừ hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội hoặc không sinh hoạt Hội trong 02 (hai) năm liên tục.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo của Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật; xem xét, kết nạp hội viên, cho ra khỏi Hội hoặc khai trừ hội viên;

d) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được trên 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Thường trực hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thư ký. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Thường trực Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Thường trực Hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

d) Quyết định kế hoạch tài chính của Hội;

đ) Quyết định khen thưởng, kỷ luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội:

a) Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Thường trực Hội mỗi năm họp 02 (hai) lần có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Thường trực;

c) Các cuộc họp của Thường trực là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Thường trực tham gia dự họp. Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Thường trực Hội được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Thường trực dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thư ký Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội và pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ban Chấp hành, Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Hội;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Thường trực Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch thường trực.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Ủy viên Thư ký giúp Thường trực Hội trực tiếp là Chủ tịch và Phó Chủ tịch chuyên trách, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội và chuẩn bị nội dung hội nghị cơ quan lãnh đạo Hội.

Lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội.

Điều 18. Chi hội trực thuộc Hội

- Hội được thành lập các chi hội trực thuộc Hội và các chi hội này không có con dấu, hoạt động có quy chế riêng và chấp hành Điều lệ của Hội. Chi hội có Chi Hội trưởng, các Chi hội phó, Thư ký và các Ủy viên. Việc thành lập hoặc giải thể Chi hội do Thường trực hội quyết định và báo cáo Ban Chấp hành Hội.

- Ban Chấp hành Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tinh có trách nhiệm thông tin và hướng dẫn thường kỳ cho các Chi hội về các chủ trương, phương hướng hoạt động. Các Chi hội báo cáo thường kỳ cho Thường trực Ban Chấp hành Hội về tình hình hoạt động của Chi hội mình.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam gồm 8 (tám) Chương, 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội đại biểu khóa II, nhiệm kỳ 2017 - 2022 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2017 tại thành phố Tam Kỳ và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.